

KHUNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH CỦA GIÁO VIÊN: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Trần Thị Hương Giang⁺,
Dương Thị Thu Hương

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
+Tác giả liên hệ • Email: giangtth@vnies.edu.vn

Article history

Received: 16/8/2023

Accepted: 19/9/2023

Published: 20/11/2023

Keywords

Competence, assessment,
teacher, competence
framework for student
assessment

ABSTRACT

From the school year 2020-2021, the Ministry of Education and Training has begun to implement a new curriculum and new textbooks for grade 1, from 2021-2022 for grades 2 and 6, from 2022-2023 for grades 3, 7 and 10, 2023-2024 for grades 4, 8, 11 and 2024-2025 for grades 5, 9 and 12. Assessment does not only involve knowledge and skills but also focuses on competencies and qualities. Therefore, teachers at all levels face many difficulties when assessing students' competencies and qualities. The article summarizes the international experience related to the current teacher's student assessment framework and gives recommendations for Vietnamese teachers. The research results are suggestions for teachers and educational managers in the process of developing teachers' professional competence in the direction of developing students' competencies and qualities to meet the goals of the 2018 General Education Curriculum.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh hiện nay, giáo dục Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới. Tuy nhiên, vấn đề chất lượng đào tạo vẫn luôn là điểm nóng của toàn xã hội. Đối với các cơ sở giáo dục, một trong những điều quan trọng nhất chính là cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng của mỗi trường học được tạo nên bởi nhiều yếu tố như hoạt động học tập của HS, hoạt động dạy học của GV và công tác quản lí... Trong đó, kết quả học tập của HS chính là tiêu chí quan trọng nói lên sự trưởng thành, mức độ thành đạt, cũng là thước đo quan trọng thể hiện chất lượng giáo dục ở các trường học.

Đánh giá kết quả học tập (ĐGKQHT) không chỉ còn dừng lại ở kiểm tra kết quả tiếp thu kiến thức mà còn giúp hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS, là quá trình thu thập thông tin, phân tích và xử lí thông tin, giải thích thực trạng việc đạt mục tiêu giáo dục, tìm hiểu nguyên nhân, ra những quyết định sư phạm giúp HS học tập ngày càng tiến bộ. Quá trình đổi mới này khiến việc thực hiện của GV gặp nhiều khó khăn. Hoạt động ĐGKQHT của HS từ trước tới nay vẫn chủ yếu thực hiện theo cách truyền thống, chỉ chú trọng kiểm tra kiến thức trong sách vở, chưa đánh giá việc HS ứng dụng kiến thức được học vào trong tình huống thực tiễn. Các công cụ kiểm tra chưa được chuẩn hóa, chưa được thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Vì vậy, nghiên cứu về khung năng lực đánh giá HS của GV, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị cho việc vận dụng vào giáo dục phổ thông ở Việt Nam là một việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa nhằm góp phần đổi mới hoạt động ĐGKQHT của HS phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và giúp GV nắm được mình cần cải thiện bản thân để đáp ứng bối cảnh đánh giá mới, giúp nhà trường có thể hỗ trợ GV một cách thiết thực nhất.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Xu hướng đổi mới hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh

ĐGKQHT của HS là một hoạt động không tách rời khỏi quá trình dạy học. Trong đó, ĐGKQHT của HS có tác dụng chi phối quá trình dạy học. Mục tiêu chung của dạy học hiện nay không chỉ nhằm trang bị kiến thức, kĩ năng cho HS mà quan trọng hơn là nhằm phát triển năng lực toàn diện của HS. Do vậy, theo xu hướng chung, ĐGKQHT của HS cũng thay đổi từ đánh giá kiến thức, kĩ năng sang phát triển năng lực cho HS. Đánh giá HS theo cách tiếp cận năng lực là đánh giá theo chuẩn về sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kĩ năng mà còn là năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập theo một chuẩn nhất định. Đánh giá HS theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên kết nối ba yếu tố: kiến thức, kĩ năng, thái độ để giải quyết vấn đề trong bối cảnh nhất định (Trần Anh Tuấn, 2020).

ĐGKQHT của HS hiện nay đang phát triển theo các xu hướng sau (Bùi Hiền Thục, 2012): (1) Đánh giá quá trình: không chú trọng xác định thành tích của HS mà chú trọng giúp HS và GV hiểu được những điểm mạnh, điểm yếu,

những “lỗ hổng” kiến thức của từng em để có kế hoạch phát huy hoặc khắc phục. Đánh giá mang chức năng phát triển là cách đánh giá tiềm năng, mang tính định hướng, là tiến trình không thể thiếu trong xu hướng đánh giá hiện đại ngày nay; (2) Đánh giá thực tiễn: bao gồm mọi hình thức và phương pháp đánh giá với mục tiêu kiểm tra các năng lực cần thiết trong cuộc sống hàng ngày được thực hiện và áp dụng trong bối cảnh thực tế. Theo xu hướng đánh giá này, HS cần ứng dụng các kỹ năng và kiến thức được học để tạo ra những sản phẩm hay ứng dụng những kỹ năng cụ thể vào tình huống thực tế bên ngoài trường học; (3) Đánh giá sáng tạo: nhấn mạnh sự mới mẻ, đa dạng và sáng tạo trong đánh giá. Theo xu hướng này, cần khuyến khích, rèn luyện cho HS năng lực hợp tác học tập, hợp tác hoạt động để có thể kết hợp hài hòa giữa việc đánh giá của thầy, cô giáo và việc tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng trong nhóm HS (thông qua các hoạt động tập thể như thảo luận, tranh luận). Phương pháp này đề cao kết quả, thành tích HS đạt được nhằm tạo động lực giúp HS ham tìm tòi, sáng tạo, có trách nhiệm hơn với việc học của mình.

Để phù hợp với những xu hướng đề cập ở trên, ĐGKQHT các môn học, hoạt động giáo dục của HS cần phải đổi mới mục đích đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như sau: - Giúp GV điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS; - Giúp HS có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ; - Giúp cha mẹ HS hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ HS) tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục HS; - Giúp CBQL giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục; - Giúp các tổ chức xã hội nắm thông tin chính xác, khách quan, phát huy nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục.

2.2. Năng lực đánh giá học sinh của giáo viên

Năng lực là khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể (Nguyễn Tiến Trung, 2016); hay năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí, ... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể (Bộ GD-ĐT, 2018a).

Theo Lê Thị Hồng (2021), năng lực ĐGKQHT của GV thể hiện trên các mặt sau: - GV biết lập kế hoạch đánh giá: kế hoạch đánh giá tổng kết do cơ quan quản lý giáo dục quy định. GV chủ yếu lập kế hoạch đánh giá thường xuyên cho từng nhóm hoặc từng cá nhân HS có khó khăn trong đọc hiểu. Kế hoạch đánh giá của GV phải đảm bảo rằng trong mỗi một năm học, mỗi nhóm HS hoặc cá nhân HS phải được đánh giá ít nhất 3 lần, đủ để xác nhận sự tiến bộ của HS về đọc hiểu; - GV biết sử dụng các phương pháp và kỹ thuật đánh giá: trong đánh giá thường xuyên kỹ năng đọc hiểu, GV biết dùng phương pháp vấn đáp, phương pháp kiểm tra viết để đánh giá. Trong mỗi phương pháp đánh giá này, GV biết sử dụng những kỹ thuật đánh giá phù hợp với đặc điểm của kỹ năng đọc hiểu như: đặt câu hỏi, đóng vai, nhận xét bằng lời, trình bày 1 phút, viết tích cực... Trong đánh giá tổng kết (cuối học kỳ, cuối năm), GV biết soạn đề kiểm tra đọc hiểu với số lượng câu hỏi hợp lý và phân bố câu hỏi ở tất cả các chi báo, tiêu chí chất lượng của kỹ năng đọc hiểu. Các câu hỏi GV biên soạn phải đúng kỹ thuật, đảm bảo độ tin cậy và độ chính xác; - GV cần biết thu thập và phân tích kết quả đọc hiểu của HS để từ đó tìm giải pháp hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm HS học đọc hiểu tốt hơn, đạt mức độ cao hơn mức hiện tại trong đường phát triển năng lực đọc hiểu.

Theo Trần Trung Tĩnh và cộng sự (2016), để ĐGKQHT của HS, GV cần có năng lực chẩn đoán khả năng, kết quả học tập của HS; sử dụng các chiến lược và phương pháp đánh giá thích hợp với mục tiêu dạy học; hướng dẫn HS tự đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá. Theo Dự án Xây dựng Năng lực GV Trung Quốc thông qua Khung dựa trên Năng lực Toàn cầu (TKCOM, 2018), năng lực đánh giá của GV là khả năng đánh giá để chứng minh việc học, để cải thiện quá trình học tập và thực hành giảng dạy.

Theo Bộ Giáo dục Anh (Ministry of Education, 2011), năng lực đánh giá HS bao gồm các nội dung sau: - Biết và hiểu cách đánh giá các môn học và lĩnh vực chương trình giảng dạy liên quan, bao gồm các yêu cầu đánh giá theo luật định; - Sử dụng đánh giá quá trình và tổng kết để đảm bảo sự tiến bộ của HS; - Sử dụng dữ liệu liên quan để theo dõi tiến độ, đặt mục tiêu và lập kế hoạch cho các bài học tiếp theo; - Cung cấp cho HS phản hồi thường xuyên, cả bằng lời nói và thông qua việc đánh dấu chính xác, đồng thời khuyến khích HS trả lời phản hồi.

Theo Bộ Giáo dục Úc (Australian Department of Education and Training, 2004), năng lực đánh giá HS của GV bao gồm: - Theo dõi và ĐGKQHT của HS để cung cấp cơ sở cho việc lập kế hoạch và báo cáo thường xuyên; - Ghi nhận kết quả học tập của HS; - Báo cáo tiến độ cho cha mẹ HS và những người khác chịu trách nhiệm chăm sóc HS.

Qua nghiên cứu các quan niệm về năng lực đánh giá HS của GV, nhóm tác giả nhận thấy năng lực đánh giá HS của GV có thể đo lường được, đó là những năng lực giải quyết các thành tố của quá trình đánh giá HS: sử dụng phương pháp, công cụ đánh giá, diễn giải kết quả đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá cho các bên liên quan nhằm đạt hiệu quả các hoạt động này trong bối cảnh cụ thể.

2.3. Kinh nghiệm quốc tế về khung năng lực đánh giá học sinh của giáo viên

Bộ Giáo dục Anh (Ministry of Education, 2011) đã đưa ra khung năng lực GV gồm 3 cấu phần có liên quan với nhau, bao gồm: (1) Chuyên nghiệp; (2) Kiến thức chuyên môn và hiểu biết; (3) Kỹ năng chuyên môn. Khung năng lực này bao gồm các chuẩn cho thấy rõ ràng những gì được mong đợi ở mỗi giai đoạn nghề nghiệp với các mức độ như sau: năng lực đánh giá HS của GV xuất hiện trong 2 cấu phần: (1) Kiến thức chuyên môn và hiểu biết; (2) Kỹ năng chuyên môn với các mức độ để đánh giá GV như sau: - GV đạt chuẩn (QTS) (Q); - GV vượt những chuẩn chính (C); - GV vượt ngưỡng (P); - GV xuất sắc (E); - GV kỹ năng nâng cao (AST) (A).

Bảng 1. Khung năng lực đánh giá HS của GV Anh

Kiến thức và chuyên môn	
Q11 Biết các yêu cầu đánh giá và sắp xếp cho các môn học/lĩnh vực chương trình giảng dạy mình được đào tạo để giảng dạy, bao gồm cả những yêu cầu liên quan đến các kì thi công và bằng cấp.	C11 Biết các yêu cầu và sắp xếp đánh giá đối với các môn học/lĩnh vực chương trình giảng dạy mình giảng dạy, bao gồm cả những yêu cầu liên quan đến các kì thi công và trình độ chuyên môn.
	P3 Có kiến thức sâu rộng và hiểu biết đầy đủ về các yêu cầu và cách sắp xếp đánh giá đối với các môn học/lĩnh vực chương trình giảng dạy mình giảng dạy, bao gồm cả những môn học liên quan đến các kì thi công và bằng cấp.
	P4 Có kiến thức cập nhật và hiểu biết về các loại bằng cấp và thông số kĩ thuật khác nhau cũng như sự phù hợp của chúng để đáp ứng nhu cầu của người học.
Q12 Biết nhiều phương pháp đánh giá, bao gồm tầm quan trọng của đánh giá quá trình.	C12 Biết nhiều phương pháp đánh giá, bao gồm tầm quan trọng của đánh giá quá trình.
Q13 Biết cách sử dụng thông tin thống kê của địa phương và quốc gia để đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy, theo dõi sự tiến bộ và nâng cao trình độ của HS.	C13 Biết cách sử dụng thông tin thống kê của địa phương và quốc gia để đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy, theo dõi sự tiến bộ và nâng cao trình độ đạt được của HS.
	C14 Biết cách sử dụng các báo cáo và các nguồn thông tin bên ngoài khác liên quan đến đánh giá để đưa ra cho người học những phản hồi chính xác và mang tính xây dựng về điểm mạnh, điểm yếu, thành tích đạt được, tiến bộ và các lĩnh vực cần phát triển, bao gồm cả các kế hoạch hành động để cải thiện.
	E4 Biết cách nâng cao hiệu quả thực hành đánh giá, bao gồm cách phân tích thông tin thống kê để đánh giá hiệu quả việc dạy và học trong toàn trường.
Kỹ năng chuyên môn	
Q26 (a) Sử dụng hiệu quả nhiều chiến lược đánh giá, giám sát và ghi chép. (b) Đánh giá nhu cầu học tập của HS để đặt ra các mục tiêu học tập đầy thách thức.	C31 Sử dụng hiệu quả các chiến lược quan sát, đánh giá, giám sát và ghi chép phù hợp làm cơ sở cho việc đặt ra các mục tiêu học tập đầy thử thách và theo dõi sự tiến bộ cũng như mức độ đạt được của người học.
	E10 Thể hiện khả năng đánh giá và đánh giá xuất sắc.
Q27 Cung cấp phản hồi kịp thời, chính xác và mang tính xây dựng về thành tích, tiến bộ của người học và các lĩnh vực cần phát triển.	C32 Cung cấp cho người học, đồng nghiệp, cha mẹ HS và người chăm sóc những phản hồi kịp thời, chính xác và mang tính xây dựng về thành tích, tiến bộ và các lĩnh vực cần phát triển của người học.
	E11 Có khả năng xuất sắc trong việc cung cấp cho người học, đồng nghiệp, cha mẹ HS và người chăm sóc những phản hồi kịp thời, chính xác và mang tính xây dựng về thành tích, tiến bộ của người học và các lĩnh vực cần phát triển nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của HS.
Q28 Hỗ trợ và hướng dẫn người học suy ngẫm về quá trình học tập của mình, xác định những tiến bộ họ đã đạt được và xác định những nhu cầu học tập của HS.	C33 Hỗ trợ và hướng dẫn người học để họ phản ánh quá trình học tập của mình, xác định những tiến bộ mình đã đạt được, đặt ra các mục tiêu tích cực để cải thiện và trở thành người học độc lập, thành công.
	C34 Sử dụng đánh giá như một phần trong hoạt động giảng dạy để chẩn đoán nhu cầu của người học, đặt ra các mục tiêu thực tế và đầy thách thức để cải thiện và lập kế hoạch giảng dạy trong tương lai.

Đối với GV Úc, khung năng lực đánh giá HS được chia thành 5 lĩnh vực với 4 mức độ: Đạt, Thành thạo, Xuất sắc và Đứng đầu (Australian Institute for Teaching and School Leadership, 2022).

Bảng 2. Khung năng lực đánh giá HS của GV Úc

Đạt	Thành thạo	Xuất sắc	Đứng đầu
Đánh giá việc học			
Thể hiện sự hiểu biết về các chiến lược đánh giá, bao gồm phương pháp tiếp cận không chính thức và chính thức, chẩn đoán, quá trình và tổng kết để đánh giá việc học của HS.	Phát triển, lựa chọn và sử dụng các chiến lược đánh giá không chính thức và chính thức, chẩn đoán, quá trình và tổng kết để đánh giá việc học tập của HS.	Phát triển và áp dụng một loạt các chiến lược đánh giá toàn diện để chẩn đoán nhu cầu học tập, tuân thủ các yêu cầu của chương trình giảng dạy và hỗ trợ đồng nghiệp đánh giá hiệu quả của các phương pháp đánh giá của họ.	Đánh giá các chính sách và chiến lược đánh giá của trường để hỗ trợ đồng nghiệp: sử dụng dữ liệu đánh giá để chẩn đoán nhu cầu học tập, tuân thủ chương trình giảng dạy, hệ thống và/hoặc các yêu cầu đánh giá của nhà trường và sử dụng nhiều chiến lược đánh giá.
Phản hồi HS			
Thể hiện sự hiểu biết về mục đích của việc cung cấp phản hồi kịp thời và phù hợp cho HS về việc học của các em.	Cung cấp phản hồi kịp thời, hiệu quả và phù hợp cho HS về thành tích của các em so với mục tiêu học tập của các em.	Lựa chọn từ nhiều chiến lược cung cấp phản hồi hiệu quả có mục tiêu dựa trên những đánh giá có hiểu biết và kịp thời về nhu cầu hiện tại của mỗi HS để tiến bộ trong học tập.	Làm thực hành mẫu và khởi xướng các chương trình hỗ trợ đồng nghiệp áp dụng các chiến lược phản hồi kịp thời, hiệu quả và phù hợp.
Đưa ra những đánh giá nhất quán và có thể so sánh được			
Thể hiện sự hiểu biết về phối hợp đánh giá và ứng dụng của nó để hỗ trợ các đánh giá nhất quán và có thể so sánh về việc học của HS.	Hiểu và tham gia vào các hoạt động phối hợp đánh giá để hỗ trợ đánh giá nhất quán và có thể so sánh về việc học của HS.	Tổ chức các hoạt động phối hợp đánh giá hỗ trợ các đánh giá bằng nhận xét nhất quán và có thể so sánh về việc học của HS.	Dẫn dắt và đánh giá các hoạt động phối hợp đảm bảo các đánh giá nhất quán và có thể so sánh về việc học tập của HS để đáp ứng chương trình giảng dạy và yêu cầu của trường học hoặc hệ thống.
Phân tích dữ liệu của HS			
Thể hiện khả năng phân tích dữ liệu đánh giá HS để đánh giá việc học của HS và điều chỉnh phương pháp giảng dạy.	Sử dụng dữ liệu đánh giá của HS để phân tích và đánh giá sự hiểu biết của HS về chủ đề/nội dung, xác định các biện pháp can thiệp và điều chỉnh phương pháp giảng dạy.	Phối hợp với các đồng nghiệp để sử dụng dữ liệu từ các đánh giá HS nội bộ và bên ngoài để đánh giá việc học và giảng dạy, xác định các biện pháp can thiệp và điều chỉnh phương pháp giảng dạy.	Phối hợp đánh giá thành tích của HS và chương trình bằng cách sử dụng dữ liệu đánh giá HS nội bộ và bên ngoài để cải thiện thực hành giảng dạy.
Báo cáo thành tích HS			
Thể hiện sự hiểu biết về một loạt các chiến lược để báo cáo cho HS và phụ huynh/người chăm sóc và mục đích lưu giữ hồ sơ chính xác và đáng tin cậy về thành tích của HS.	Báo cáo rõ ràng, chính xác, tôn trọng HS và phụ huynh/người chăm sóc quan tâm đến thành tích của HS, sử dụng hồ sơ chính xác và đáng tin cậy.	Phối hợp với các đồng nghiệp để xây dựng các báo cáo chính xác, đầy đủ thông tin và kịp thời cho HS và phụ huynh/người chăm sóc về việc học tập và thành tích của HS.	Đánh giá và sửa đổi cơ chế báo cáo và trách nhiệm giải trình trong trường để đáp ứng nhu cầu của HS, phụ huynh/người chăm sóc và đồng nghiệp.

2.4. Đề xuất khung năng lực đánh giá học sinh của giáo viên ở Việt Nam

2.4.1. Mục đích sử dụng khung năng lực đánh giá học sinh của giáo viên

Xây dựng khung năng lực đánh giá HS của GV sẽ giúp nhà quản lý nắm được chất lượng GV trong lĩnh vực ĐGKQHT nhằm phát triển năng lực HS và bản thân GV biết được mình cần phải phát triển thêm trong nội dung nào để đáp ứng việc đánh giá HS. Đồng thời, dựa trên khung năng lực giúp cho công tác phát triển chuyên môn, nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng và phát triển đội ngũ của CBQL nhà trường.

Khung năng lực đánh giá HS của GV sẽ bao gồm những yêu cầu năng lực dành cho GV phổ thông. Đối tượng sử dụng khung năng lực là các GV, CBQL nhà trường. Khung năng lực đánh giá HS của GV sẽ được sử dụng nhằm những mục đích như sau: - Hướng dẫn cho các nhà quản lý thiết kế và phê duyệt các chương trình đào tạo GV; - Hướng dẫn tự đánh giá cho GV trong việc xác định nhu cầu của mình để phát triển chuyên môn về đánh giá nhằm phát triển năng lực HS; - CBQL có thể sử dụng để biết được năng lực đánh giá HS của GV đang ở mức độ nào, những gì GV cần được đào tạo, bổ sung.

2.4.2. Khung năng lực đánh giá học sinh của giáo viên Việt Nam

Trên cơ sở rà soát năng lực của GV trong ĐGKQHT nhằm phát triển năng lực của HS, tham khảo các nội dung hoạt động ĐGKQHT của HS phổ thông, quy định ĐGKQHT của Bộ GD-ĐT, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn của nhà trường, nhóm nghiên cứu đề xuất khung năng lực đánh giá HS cho GV Việt Nam. Khung năng lực sẽ gồm các tiêu chuẩn và tiêu chí. Mỗi tiêu chuẩn đi kèm với các tiêu chí là những kì vọng về năng lực đánh giá mà GV cần có để thực hiện tốt. Trong quá trình áp dụng các tiêu chuẩn này sẽ có thể cải tiến và phát triển.

Trong bối cảnh đổi mới đánh giá HS, GV phổ thông ngoài việc đáp ứng những chuẩn nghề nghiệp GV thì cần phải đáp ứng chuẩn đánh giá năng lực HS. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT đã đưa ra chuẩn nghề nghiệp GV bao gồm 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí thay thế cho bộ chuẩn nghề nghiệp trước đó gồm 6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí (Bộ GD-ĐT, 2018b). Thay đổi chính của bộ tiêu chuẩn là hướng đến việc đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục đã được quy định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương. Tuy nhiên, Việt Nam không có bộ chuẩn quốc gia dành cho GV từng môn học như một số nước trên thế giới.

Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông là hệ thống phẩm chất, năng lực mà GV cần đạt được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục HS. Trong đó, phẩm chất được coi là tư tưởng, đạo đức, lối sống của GV trong thực hiện công việc, nhiệm vụ. Năng lực được coi là khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ của GV.

Cấu trúc của bộ chuẩn gồm có: Tiêu chuẩn, tiêu chí, mức của tiêu chí và minh chứng.

(1) *Tiêu chuẩn* là yêu cầu về phẩm chất, năng lực ở từng lĩnh vực của chuẩn nghề nghiệp GV.

(2) *Tiêu chí* là yêu cầu về phẩm chất, năng lực thành phần của tiêu chuẩn.

(3) *Mức của tiêu chí* là cấp độ đạt được trong phát triển phẩm chất, năng lực. Có 3 mức đối với mỗi tiêu chí theo cấp độ tăng dần: mức Đạt, mức Khá, mức Tốt. Mức cao hơn đã bao gồm các yêu cầu ở mức thấp hơn liền kề.

- Mức Đạt: Có phẩm chất, năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

- Mức Khá: Có phẩm chất, năng lực tự học, tự rèn luyện, chủ động đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Mức Tốt: Có ảnh hưởng tích cực đến HS, đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của HS trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông và phát triển giáo dục địa phương.

(4) *Minh chứng* là các bằng chứng (tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, nhân chứng) được dẫn ra để xác nhận một cách khách quan mức độ đạt được của tiêu chí. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT quy định về chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông không quy định rõ minh chứng cụ thể để xác định cấp độ đạt được từng tiêu chí.

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, thực tiễn đánh giá HS phổ thông trong nước, nhóm tác giả đề xuất khung năng lực GV cần có khi đánh giá HS, bao gồm 3 mức: Đạt chuẩn, Vượt chuẩn và Thành thạo; mỗi mức độ sau sẽ bao gồm mức độ trước đó, cụ thể như sau:

Bảng 3. Khung năng lực đánh giá HS của GV

Đạt chuẩn	Vượt chuẩn	Thành thạo
Nhận thức về đánh giá HS		
Hiểu được các công cụ đánh giá trong dạy và học, có hứng thú với việc đánh giá môn học của mình.	Có khả năng liên hệ kết quả đánh giá của các môn học khác nhau của HS với hoạt động giảng dạy của chính mình; sử dụng dữ liệu đánh giá một cách hiệu quả để đưa ra các quyết định về chương trình giảng dạy ở trường.	Tự mình tìm hiểu, học hỏi các thông tin liên quan tới đánh giá HS. Nắm vững về các hình thái, triết lí đánh giá trong giáo dục.
Lựa chọn phương pháp đánh giá		
Sử dụng và lựa chọn các phương pháp đánh giá sẵn có theo gợi ý có sẵn.	Sử dụng thành thạo các phương pháp và quy trình đánh giá đã được thiết lập và đôi khi điều chỉnh chúng để phù hợp với tính chất của việc dạy và học được đánh giá.	Sử dụng kết hợp nhiều phương pháp đánh giá đa dạng và nhất quán kết hợp các phương thức này với hoạt động dạy và học đang được đánh giá; cung cấp cho HS và phụ huynh các báo cáo đánh giá chính xác và đầy đủ thông tin vào thời điểm thích hợp.
Lựa chọn công cụ đánh giá		
Sử dụng và lựa chọn các công cụ đánh giá theo gợi ý có sẵn.	Sử dụng thành thạo các công cụ đánh giá đã được thiết lập và đôi khi điều chỉnh chúng để phù hợp với tính chất của việc dạy và học được đánh giá.	Lựa chọn kết hợp nhiều công cụ đánh giá phù hợp với bối cảnh dạy học và từng đối tượng HS. Xác định được ưu, nhược điểm của các công cụ thông tin đã lựa chọn.
Thu thập thông tin HS		
Sử dụng công cụ đã lựa chọn để thu thập thông tin theo đúng tiến độ đề ra.	Thu thập bằng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau như thường xuyên, định kì, trong lớp, ngoài lớp.	Có kĩ năng lập kế hoạch thu thập thông tin phù hợp với đối tượng HS, mục tiêu bài giảng.

Diễn giải kết quả đánh giá		
Có thể giải thích các kết quả đánh giá không chính thức và chính thức do GV tiến hành, bao gồm thành tích của HS trên lớp và các bài tập về nhà.	Có thể phân tích kết quả đánh giá để xác định điểm mạnh và điểm yếu của HS.	Sử dụng được các phần mềm chuyên dụng để xử lý thông tin, đưa ra báo cáo phân tích chuyên sâu kết quả đánh giá HS.
Sử dụng kết quả đánh giá		
Chấp nhận kết quả đánh giá trong quá trình dạy và học nhưng hiếm khi đề cập đến kết quả đánh giá khi soạn giáo án.	Sẵn sàng sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện việc dạy và học, lập kế hoạch cho cả lớp và đôi khi lập kế hoạch cho cá nhân và nhóm HS.	Sử dụng kết quả đánh giá một cách nhất quán để phát triển các chương trình, kế hoạch cải thiện việc học tập của HS. Đưa ra những định hướng cho HS, gia đình và các cấp quản lý để nâng cao năng lực cho HS trong thời gian tiếp theo.
Công bố kết quả đánh giá cho HS, cha mẹ HS và các bên liên quan		
Thông báo cho HS, cha mẹ HS và các bên liên quan kết quả thực tế HS đạt được.	Phối hợp với GV các môn học khác để xây dựng các báo cáo chính xác, đầy đủ thông tin và kịp thời cho HS và cha mẹ HS/người chăm sóc về việc học tập và thành tích.	Đưa ra được những nhận xét cho từng cá nhân HS, có phương án phát triển tiếp theo.
Sử dụng phương tiện dạy học hỗ trợ việc đánh giá		
Sử dụng các phương tiện dạy học thông thường như máy chiếu, laptop, tivi.	Sử dụng phần mềm hỗ trợ thiết kế công cụ ĐGKQHT của HS.	Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu đánh giá thu thập được.

3. Kết luận

Đánh giá năng lực và phẩm chất HS hiện nay vẫn là thách thức lớn đối với GV phổ thông ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu bước đầu gợi ý đối với GV và các nhà quản lý giáo dục trong quá trình bồi dưỡng năng lực cho GV trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS nhằm đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các tiêu chuẩn được thiết kế nhằm giúp: hướng dẫn dành cho các nhà giáo dục khi thiết kế và phê duyệt các chương trình đào tạo GV; hướng dẫn tự đánh giá cho GV trong việc xác định nhu cầu phát triển chuyên môn trong đánh giá HS; hướng dẫn dành cho giảng viên khi giảng dạy bồi dưỡng chuyên môn cho GV; động lực để các chuyên gia đo lường giáo dục và giảng viên, GV khái niệm hóa việc đánh giá HS và đào tạo GV về đánh giá HS một cách rộng rãi hơn so với trước đây.

Tài liệu tham khảo

- Australian Department of Education and Training (2004). *Competency framework for teachers*.
- Australian Institute for Teaching and School Leadership (2022). *Australian Professional Standards for Teachers*. AITSL, Melbourne.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Bùi Hiền Thực (2012). Xu hướng đánh giá trong giáo dục hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 287, 29-30; 48.
- Lê Thị Hồng (2021). Cơ sở lý luận của hoạt động phát triển năng lực dạy học đọc hiểu văn bản cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong các trường đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 494, 26-30.
- Ministry of Education (2011). *Teachers' Standards Guidance for school leaders, school staff and governing bodies*.
- Nguyễn Tiến Trung (2016). Năng lực giáo viên và đào tạo giáo viên trong bối cảnh dạy học đa dân tộc, đa văn hóa. *Tạp chí Giáo dục*, 378, 16-18; 39.
- TKCOM (2018). *Global Teachers' Key Competences Framework*. Barcelona: TKCOM.
- Trần Anh Tuấn (2020). Đổi mới hoạt động đánh giá học sinh theo cách tiếp cận năng lực. *Tạp chí Giáo dục*, 474, 1-6.
- Trần Trung Tình, Nguyễn Hữu Châu, Trịnh Thanh Hải (2016). Năng lực của giáo viên trong lĩnh vực đánh giá kết quả học toán của học sinh - Một nghiên cứu lý thuyết. *Tạp chí Tâm lý học*, 7(208), 16-26.